

CẢI THIỆN ĐỘNG LỰC HỌC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI BẰNG PHƯƠNG PHÁP HỌC DỰA TRÊN VẤN ĐỀ

NGUYỄN THỊ THANH HÀ *

Tóm tắt: Nghiên cứu này phân tích hiệu quả của việc sử dụng phương pháp học dựa trên vấn đề trong việc cải thiện động lực học tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Thương mại. Đây là một nghiên cứu hành động được áp dụng với sự tham gia của 42 sinh viên năm thứ hai Viện Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Thương mại. Kết quả cho thấy động lực học tiếng Anh của sinh viên được cải thiện rõ rệt với những đánh giá tích cực sau quá trình thực nghiệm. Từ những kết quả này, tác giả khuyến nghị phương pháp học dựa trên vấn đề giúp nâng cao động lực học tiếng Anh cũng như nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên.

Từ khóa: Học dựa trên vấn đề, tiếng Anh, động lực.

Abstract: This study examines the effectiveness of using the method of problem-based learning in improving English learning motivation for students of Thuong Mai University. This is an action research applied to the participation of 42 second year students from the Institute of International Cooperation, Thuongmai University. The results showed that students' English learning motivation was significantly improved with positive reviews after the treatment. From these results, the author recommend that problem-based learning method helps to enhance English learning motivation as well as improve soft skills for students.

Keywords: Problem-based learning, English, motivation.

1. Đặt vấn đề

Động lực được coi là yếu tố then chốt dẫn đến thành công hay thất bại của người học. Sinh viên (SV) không có động lực học thể hiện sự mất tập trung cũng như thái độ bất hợp tác trong học tập. Trái lại, những người có động lực học sẽ bộc lộ rõ ý chí mạnh mẽ và kiên trì để đạt được thành công. Điều đó chứng minh rằng động lực đóng một vai trò quan trọng việc tiếp thu ngôn ngữ, vì vậy giáo viên (GV) cần chú trọng tạo động lực cho SV nhằm phát huy tối đa hiệu quả học tập của họ. Để làm được điều đó, việc áp dụng những phương pháp giảng dạy mới và hiện đại được đặt lên hàng đầu. Trong đó phương pháp học dựa trên vấn đề được cho là đem lại những tác động tích cực tới việc tăng động lực học cho SV. Hình thức dạy học này khuyến khích SV phải tự tìm tòi, trau dồi kiến thức và tạo ra sản phẩm của chính mình dưới sự hướng dẫn và giúp đỡ của GV. Bên cạnh đó phương pháp học dựa trên vấn đề có khả năng thu hút SV và cho phép họ giải quyết các vấn đề theo ngữ cảnh.

* ThS - Khoa Tiếng Anh, Đại học Thương mại; Email: nguyenthanhha87@tmu.edu.vn

2. Cơ sở lý luận

2.1. Động lực học ngoại ngữ

2.1.1. Khái niệm động lực

Động lực (tiếng Anh: *motivation*) đóng một vai trò quan trọng dẫn đến thành công trong quá trình học ngoại ngữ. Trong một mức độ nhất định nào đó, động lực học tiếng Anh của SV có thể ảnh hưởng tới kết quả học tập của họ. Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về động lực, đặc biệt là trong việc học ngoại ngữ. Gardner [5] từ quan điểm tâm lý xã hội đã xác định “*động lực trong việc học ngoại ngữ là mức độ mà cá nhân nỗ lực hoặc cố gắng học ngôn ngữ vì mong muốn được học nhằm đạt mục tiêu và cảm thấy hài lòng với việc làm này*”. Theo định nghĩa này, động lực bao gồm ba thành phần: (1) nỗ lực mở rộng để đạt được mục tiêu, (2) mong muốn học ngôn ngữ và (3) hài lòng với nhiệm vụ học ngôn ngữ. Crookes và Schmidt [3] đã đưa ra một định nghĩa mở rộng về động lực học ngoại ngữ. Họ chỉ ra “*động lực học ngoại ngữ có cả khía cạnh bên trong và bên ngoài. Các khía cạnh bên trong bao gồm mức độ quan tâm, nhận thức về sự phù hợp, kỳ vọng thành công hay thất bại và nhận thức về phần thưởng. Mặt khác, các khía cạnh bên ngoài bao gồm quyết định học tập công khai, hành vi học tập kiên trì và sự tham gia cao*”.

2.1.2. Vai trò của động lực trong việc học ngoại ngữ

Động lực rất quan trọng trong việc học các ngôn ngữ khác. Gardner [5] chỉ ra rằng động lực liên quan đến sự kết hợp của nỗ lực và mong muốn đạt được mục tiêu học ngôn ngữ cùng với thái độ tích cực đối với việc học ngôn ngữ. Ông cũng nói rằng động lực học ngoại ngữ được xác định bởi các khuynh hướng cơ bản và đặc điểm tính

cách như thái độ của người học đối với người nước ngoài nói chung, nhóm mục tiêu và ngôn ngữ nói riêng. Hơn nữa, Kyriacou và Zhu [9] cho rằng trong việc học ngôn ngữ, động lực là yếu tố quyết định ảnh hưởng đến nỗ lực và sự kiên trì của người học. Đó là một hiện tượng phức tạp bao gồm nhiều yếu tố như: nghị lực nội tại, nhu cầu thành công, sự tò mò, mong muốn kích thích và trải nghiệm mới.

2.1.3. Khung động lực ARCS

Mô hình ARCS được Keller [8] thiết kế để GV áp dụng nhằm giúp phát huy và duy trì động lực của người học trong quá trình học tập. Mô hình này là viết tắt của 4 tiêu chí: A (Attention - sự tập trung), R (Relevance - sự liên hệ), C (Confidence - sự tự tin) và S (Satisfaction - sự hài lòng) và ARCS là một thành phần quan trọng của động lực.

(1) Sự tập trung: đề cập đến việc sử dụng các phương pháp và tài liệu giảng dạy có thể thu hút, duy trì sự tập trung và quan tâm của người học cũng như kích thích tính tò mò của họ hay không.

(2) Sự liên hệ: đề cập đến tiềm năng áp dụng các khóa học và tài liệu giảng dạy. GV phải đáp ứng các yêu cầu và mục tiêu cá nhân của người học để tạo ra một thái độ học tập tích cực; tương tự như vậy, người học cần phải nắm được tầm quan trọng của việc học để họ đưa ra nhận định về sự phù hợp của tài liệu.

(3) Sự tự tin: tác động đến tính bền vững và thành tích học tập thông qua việc thúc đẩy hoặc cản trở động lực. Nguồn tài liệu khó hay dễ cũng có thể ảnh hưởng đến việc tiếp thu của người học. Nếu GV không quan tâm đến việc đó, người học có thể mất đi sự tự tin và từ đó cản trở việc học của họ.

Do đó, tài liệu hướng dẫn nên có mức độ khó thích hợp.

(4) Sự hài lòng: đề cập đến đánh giá của người học về kết quả làm việc của họ và là một yếu tố quan trọng để duy trì động lực. Việc học đạt yêu cầu khi người học có thể áp dụng kiến thức hoặc kỹ năng đã học vào mục đích thiết thực cuối cùng dẫn đến cảm giác hài lòng.

Trong nghiên cứu này, mô hình ARCS sẽ được sử dụng để đánh giá thực trạng động lực học tiếng Anh của SV và hiệu quả của phương pháp học dựa trên vấn đề tới việc nâng cao động lực học tiếng Anh cho SV Trường Đại học Thương mại.

2.2. Phương pháp học dựa trên vấn đề

2.2.1. Định nghĩa phương pháp học dựa trên vấn đề

Othman và Shah [12] cho rằng phương pháp học dựa trên vấn đề là một cách tiếp cận không liên quan đến việc giảng dạy; người học học bằng cách giải quyết các vấn đề được GV xây dựng cẩn thận theo đề cương môn học được giao cho họ trong suốt học kỳ. Người học cảm thấy dễ dàng hơn khi họ đối mặt và giải quyết vấn đề không khác xa so với cuộc sống thực tại của họ. Theo Harun và cộng sự [6], phương pháp học dựa trên vấn đề tập trung nhiều hơn vào việc phát triển SV với tư cách là người học độc lập so với các bài giảng truyền thống khuyến khích SV, từ đó, cải thiện quá trình dạy và học. Hơn nữa, Hmelo-Silver [7] giải thích rằng học dựa trên vấn đề là một phương pháp trong đó người học có thể phát triển các kỹ năng siêu nhận thức cũng như sử dụng khả năng suy luận để giải quyết các vấn đề phức tạp. Theo Aliyu [2], phương pháp học dựa trên vấn đề bao gồm các mục tiêu học tập suốt

đời có định hướng, kỹ năng khai thác thông tin, kỹ năng phản xạ và tư duy đánh giá theo hình thức cộng tác.

2.2.2. Đặc điểm của phương pháp học dựa trên vấn đề

Theo Lane [10], đặc điểm chính của phương pháp học dựa trên vấn đề đó là cách triển khai làm việc nhóm. Làm việc nhóm nghĩa là người học làm việc cùng nhau trong các nhóm nhỏ, từ đó người học kiểm tra và phát triển mức độ hiểu biết của họ về tài liệu. Vì vậy, học dựa trên vấn đề có thể giúp người học giải quyết vấn đề mà họ thường gặp. Họ sẽ giải quyết vấn đề cùng nhau trong nhóm của mình và thảo luận với nhau để cùng nhau phát triển ý tưởng. Ngoài ra, học tập dựa trên vấn đề còn phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và nâng cao động lực học tập.

2.2.3. Ưu điểm và nhược điểm của phương pháp học dựa trên vấn đề

2.2.3.1. Ưu điểm

Nhiều nhà nghiên cứu đã chứng minh những lợi ích mà phương pháp học dựa trên vấn đề đem lại cho người học.

Thứ nhất, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng cần thiết: thông qua hoạt động tìm kiếm thông tin và lý giải vấn đề của cá nhân và tập thể, SV được rèn luyện thói quen/kỹ năng đọc tài liệu, phương pháp tư duy khoa học, tranh luận khoa học, làm việc tập thể,... [9]

Thứ hai, sinh viên sớm được tiếp cận những vấn đề thực tiễn: giáo dục đại học thường bị phê phán là xa rời thực tiễn, phương pháp này có thể giúp SV tiếp cận sớm với những vấn đề đang diễn ra trong thực tế có liên quan chặt chẽ với chuyên ngành đang học; đồng thời cũng được trang bị những kiến thức, kỹ năng để giải quyết những vấn đề đó [4].

2.2.3.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm mà phương

pháp học dựa trên vấn đề đem lại, một số nhà nghiên cứu cho rằng phương pháp này vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế.

Thứ nhất, phương pháp học dựa trên vấn đề có thể sẽ dẫn đến việc SV quá phụ thuộc vào môi trường làm việc theo nhóm nhỏ. Họ có thể thiếu tự tin để làm việc độc lập hay giải quyết/xử lý các vấn đề [1].

Thứ hai, phương pháp học dựa trên vấn đề khó vận dụng cho lớp đông. Neuman và Wright [11] cho rằng không thể áp dụng phương pháp học dựa trên vấn đề cho lớp đông vì thiếu sự hỗ trợ của GV và nguồn lực lớp học. Lớp càng đông thì càng có nhiều nhóm nhỏ, vì vậy việc tổ chức, quản lý sẽ càng phức tạp. Một GV rất khó theo dõi và hướng dẫn thảo luận cho cả chục nhóm SV.

3. Phương pháp nghiên cứu

Đây là một nghiên cứu hành động được áp dụng cho 42 SV năm thứ hai chuyên ngành Marketing Phân phối của Viện Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Thương mại. Nghiên cứu sử dụng 2 công cụ gồm các phiếu điều tra (phát trước và sau khi áp dụng phương pháp) và các câu hỏi phỏng vấn nhằm mục đích tìm hiểu thực trạng động lực học tiếng Anh và hiệu quả của phương pháp học dựa trên vấn đề tới việc nâng cao động lực học tiếng Anh cho SV.

4. Kết quả

4.1. Thực trạng động lực học tiếng Anh

4.1.1. Sự tập trung

Đánh giá của SV về sự tập trung khi học tiếng Anh được tổng hợp trong *Bảng 1*:

Kết quả của *Bảng 1* thể hiện đánh giá của SV về sự tập trung của họ đối với việc học tiếng Anh. Cụ thể là, 54,82% SV cho rằng họ tập trung học là nhờ các hoạt động học tiếng Anh thú vị và mới lạ; trong khi đó, số lượng SV tỏ thái độ không đồng tình chiếm 42,8%. Nội dung số 2 nhận được sự ủng hộ của 47,6% SV. Con số này cũng thể hiện số lượng SV cảm thấy hoài nghi với nội dung này (47,6%) và rất ít SV không đồng tình (4,8%). Đặc biệt là, hầu hết SV tập trung học nhờ phương pháp giảng dạy tiếng Anh đa dạng của GV như cho SV làm nhóm, chơi trò chơi, tranh luận,... với số liệu thu được là 81%. Ngoài ra, số lượng các bạn lựa chọn “không chắc” cũng rất hạn chế với chỉ 14,2% và rất ít SV không đồng ý (4,8%).

4.1.2. Sự liên hệ

Đánh giá của SV về sự liên hệ khi học tiếng Anh được tổng hợp trong *Bảng 2*:

Kết quả của *Bảng 2* cho thấy, đa phần SV nhận thấy bản thân họ có sự liên hệ

Bạn tập trung như thế nào khi học tiếng Anh?	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không chắc	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Tôi tập trung học nhờ các hoạt động học tiếng Anh thú vị và mới lạ	19%	23,8%	2,38%	47,6%	7,22%
Tôi tập trung học nhờ các bài học tiếng Anh đòi hỏi sự động não	0%	4,8%	47,6%	33,3%	14,3%
Tôi tập trung học nhờ phương pháp giảng dạy tiếng Anh đa dạng của GV như cho SV làm nhóm, chơi trò chơi, tranh luận,...	0%	4,8%	14,2%	52,4%	28,6%

Bảng 1. Đánh giá của SV về sự tập trung khi học tiếng Anh

Bạn có sự liên hệ như thế nào khi học tiếng Anh?	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không chắc	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Tôi thấy rằng nội dung học tiếng Anh gắn liền với các mục tiêu cụ thể (nghề nghiệp, nhu cầu, mong muốn)	0%	0%	28,6%	47,6%	23,8%
Tôi có thể lựa chọn phương pháp học tiếng Anh phù hợp với bản thân	0%	4,8%	19%	71,4%	4,8%
Tôi thấy rằng những tình huống trong cuộc sống đời thường liên quan tới các bài học tiếng Anh	0%	0%	33,3%	52,4%	14,3%
Tôi nhận thấy nội dung học tiếng Anh không phù hợp với trình độ của mình	4,8%	23,8%	42,4%	19%	10%

Bảng 2. Đánh giá của SV về sự liên hệ khi học tiếng Anh

khi học tiếng Anh qua việc lựa chọn “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý” với các nội dung được đưa ra. Với nội dung số 4, 71,4% SV bày tỏ sự đồng ý, số lượng SV không chắc với nội dung này chiếm 28,6% và đặc biệt là không SV nào phản đối quan điểm này. Tiếp đó, phần đông SV cho rằng họ có thể lựa chọn phương pháp học tiếng Anh phù hợp với bản thân với số liệu thu được là 76,2%, trong khi số lượng SV cảm thấy hoài nghi chiếm 19% và rất ít bạn không đồng tình (4,8%). Nội dung số 6 nhận được sự đồng

ý của 66,7% SV trong khi số bạn lựa chọn “không chắc” chỉ chiếm 33,3%. Ở nội dung số 7, có 23,8% SV tỏ vẻ không đồng tình, 42,4% SV cảm thấy hoài nghi và 29% SV bày tỏ sự đồng ý. Nhìn chung, kết quả ở Bảng 2 thể hiện rằng phần lớn SV cảm thấy có sự liên hệ khi học tiếng Anh với những đánh giá về nội dung và phương pháp học.

4.1.3. Sự tự tin

Đánh giá của SV về sự tự tin khi học tiếng Anh được tổng hợp trong Bảng 3:

Bạn tự tin như thế nào khi học tiếng Anh?	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không chắc	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Nội dung các bài học tiếng Anh không quá khó với tôi	7,1%	4,8%	26,2%	33,3%	28,6%
Tôi tự tin rằng các bài học tiếng Anh cung cấp cho tôi nhiều kiến thức bổ ích	4,8%	0%	14,3%	66,7%	14,2%
Tôi có thể đạt điểm số cao khi thường xuyên luyện tập	4,8%	0%	23,8%	47,6%	23,8%
Tôi tự tin có thể thành thạo tiếng Anh nếu chương trình học được thiết kế phù hợp	4,8%	0%	14,3%	38%	42,9%

Bảng 3. Đánh giá của SV về sự tự tin khi học tiếng Anh

Kết quả từ *Bảng 3* thể hiện rằng các SV phần nào bộc lộ sự tự tin khi học tiếng Anh. Cụ thể là 61,9% SV cho rằng nội dung các bài học tiếng Anh không quá khó với họ. Số lượng SV không đồng ý với nhận định này chỉ chiếm 11,9% và số còn lại là không chắc (26,2%). Với nội dung số 9, hơn 80,9% SV bày tỏ sự đồng tình, số lượng SV “không chắc” chiếm 14,3% và rất ít bạn không đồng ý (4,8%). Phần đông SV (71,4%) đánh giá rằng họ có thể đạt điểm số cao khi thường xuyên luyện tập và rất ít bạn không đồng ý với điều này (4,8%). Nội dung số 11 nhận được sự ủng hộ của hơn 70% SV, trong khi không nhiều SV hoài nghi (14,3%) và ít bạn không đồng ý. Nhìn chung, kết quả từ *Bảng 3* chứng minh rằng phần lớn SV đều thể hiện thái độ tự tin khi học tiếng Anh thông qua những yếu tố liên quan như thiết kế chương trình hợp lý, nội dung học và thực hành.

4.1.4. Sự hài lòng

Đánh giá của SV về sự hài lòng khi học tiếng Anh được tổng hợp trong *Bảng 4*:

Kết quả từ *Bảng 4* cho thấy hầu hết SV bày tỏ thái độ hài lòng khi học tiếng Anh vì phần lớn lựa chọn đồng ý và hoàn toàn đồng

ý với những nội dung được nêu ra. Hơn 70% SV cảm thấy vui khi có cơ hội thực hành các kỹ năng tiếng Anh. Trong khi đó, số lượng SV không hào hứng rất khiêm tốn (4,8%). Bên cạnh đó, hơn 65% SV hứng thú học tiếng Anh vì nội dung giảng dạy hấp dẫn, số lượng các bạn cảm thấy hoài nghi chiếm 28,6% và rất ít bạn bất mãn với điều này. Ở nội dung số 14, có 66,7% SV đồng ý, 28,6% SV không chắc và số lượng không đồng ý là 4,8%. Tiếp đó, 76,2% SV hài lòng với cách đánh giá khách quan và công bằng về kết quả học của SV từ phía GV. Trong khi đó chỉ 4,8% SV lựa chọn “không đồng ý”. 66,6% SV đồng ý rằng GV tiếng Anh sẵn sàng góp ý và động viên họ. 28,6% SV hoài nghi với điều này và rất ít bạn lựa chọn “không đồng ý”. Nhìn chung, có thể thấy rằng các SV đều rất hài lòng khi học tiếng Anh với những yếu tố đánh giá về cơ hội thực hành. GV và nội dung giảng dạy.

4.2. Hiệu quả của phương pháp học dựa trên vấn đề tới việc nâng cao động lực học tiếng Anh

4.2.1. Sự tập trung

Đánh giá của SV về sự tập trung khi học dựa trên vấn đề được tổng hợp trong *Bảng 5*:

	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không chắc	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Tôi thấy vui khi có nhiều cơ hội thực hành các kỹ năng tiếng Anh	4,8%	0%	19%	52,4%	23,8%
Tôi có hứng thú học tiếng Anh vì nội dung giảng dạy hấp dẫn	4,8%	0%	28,6%	52,4%	14,2%
GV tiếng Anh luôn giúp đỡ tôi trong quá trình học	4,8%	0%	28,6%	52,4%	14,2%
GV tiếng Anh đánh giá kết quả học tiếng Anh của tôi khách quan và công bằng	4,8%	0%	19%	61,9%	14,3%
GV tiếng Anh sẵn sàng góp ý và động viên tôi	4,8%	0%	28,6%	52,3%	14,3%

Bảng 4. Đánh giá của SV về sự hài lòng khi học tiếng Anh

Bạn tập trung như thế nào khi học dựa trên vấn đề?	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không chắc	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Nội dung của vấn đề rất hấp dẫn và tác động lớn đến sự tập trung của tôi	2,4%	2,4%	11,9%	59,5%	23,8%
Việc tương tác với các bạn trong nhóm giúp tôi tập trung hơn trong quá trình giải quyết vấn đề	0%	0%	9,5%	76,2%	14,3%
Việc làm nhiều hoạt động khi giải quyết vấn đề giúp tăng cường sự tập trung của tôi	0%	0%	23,8%	61,9%	14,3%

Bảng 5. Đánh giá của SV về sự tập trung khi học dựa trên vấn đề

Kết quả từ *Bảng 5* cho thấy việc học dựa trên vấn đề giúp tăng cường sự tập trung của phần lớn SV. Số lượng SV đồng ý rằng nội dung của vấn đề rất hấp dẫn và tác động lớn đến sự tập trung của họ là khá cao trên 80%. Trong khi có 11,9% SV cảm thấy hoài nghi và chỉ hơn 4,5% SV không đồng ý với điều này. Ngoài ra, phần lớn SV (90,5%) đồng ý rằng việc tương tác với các bạn trong nhóm giúp họ tập trung hơn trong quá trình giải quyết vấn đề. Điều này chứng minh rằng việc học qua vấn đề giúp cải thiện kỹ năng làm việc theo nhóm, tăng cường sự tương tác giữa các thành viên,

nhờ đó SV sẽ tập trung hơn trong suốt quá trình giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó, đa phần (76,2%) SV bày tỏ sự đồng ý với nội dung số 3 (*Việc làm nhiều hoạt động khi giải quyết vấn đề giúp tăng cường sự tập trung của tôi*) trong khi số lượng SV không chắc khá khiêm tốn với 23,8%.

4.2.2. Sự liên hệ

Đánh giá của SV về sự liên hệ khi học dựa trên vấn đề được tổng hợp trong *Bảng 6*:

Theo kết quả từ *Bảng 6*, phần lớn SV nhận thấy có sự liên hệ giữa những điều họ từng biết và các hoạt động họ đã tham gia

Bạn có sự liên hệ gì khi học dựa trên vấn đề?	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không chắc	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Tôi thấy nội dung của vấn đề liên quan tới những điều tôi từng biết	0%	0%	28,6%	57,1%	14,3%
Tôi nghĩ bản thân có thể áp dụng những gì đã học khi giải quyết vấn đề bằng tiếng Anh vào các vấn đề khác	0%	0%	23,8%	66,7%	9,5%
Tôi nhận thấy giải quyết vấn đề bằng tiếng Anh rất hữu ích và thiết thực trong việc nâng cao kỹ năng tiếng Anh của tôi	0%	0%	9,5%	61,9%	28,6%
Nội dung của vấn đề không phù hợp với trình độ kiến thức của tôi	33,3%	31%	19%	7,2%	9,5%

Bảng 6. Đánh giá của SV về sự liên hệ khi học dựa trên vấn đề

trong quá trình giải quyết vấn đề. Hơn 70% SV đồng ý rằng nội dung của vấn đề liên quan tới những điều họ từng biết, trong khi số lượng các bạn không chắc chỉ chiếm 28,6%. Ngoài ra, ở nội dung số 5, có 77,2% SV bày tỏ sự đồng ý và đặc biệt không có bạn nào “bất đồng” với điều này. Bên cạnh đó, số lượng SV đồng ý với nội dung số 6 rất cao với hơn 90%. Ở nội dung số 7 có hơn 60% SV không đồng ý, 19% SV cảm thấy hoài nghi và số lượng SV đồng ý chiếm 16,7%. Số liệu này chứng minh rằng nội dung vấn đề không mang tính đánh đố gây khó hiểu với SV.

4.2.3. Sự tự tin

Đánh giá của SV về sự tự tin khi học dựa trên vấn đề được tổng hợp trong *Bảng 7*:

ý. Tiếp đó, hơn 75% SV đồng ý rằng họ có thể nâng cao kỹ năng tiếng Anh nếu thường xuyên giải quyết vấn đề bằng tiếng Anh, số lượng SV cảm thấy hoài nghi khá khiêm tốn với 19% và rất ít SV không đồng ý với điều này (4,8%). Số lượng SV đồng ý với nội dung số 11 chiếm hơn 75% trong khi không có SV nào lựa chọn “không đồng ý” với điều này. Những dữ liệu thu được từ các phiếu điều tra thể hiện rằng sự tự tin của SV có sự thay đổi rõ rệt trước và sau khi học dựa trên vấn đề.

4.2.4. Sự hài lòng

Đánh giá của SV về sự hài lòng khi giải quyết vấn đề được tổng hợp trong *Bảng 8*:

Theo kết quả từ *Bảng 8*, phần lớn SV cảm thấy hài lòng khi học dựa trên vấn đề.

Bạn tự tin như thế nào khi học dựa trên vấn đề?	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không chắc	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Tôi nhận thấy việc giải quyết vấn đề bằng tiếng Anh không khó với tôi	0%	9,5%	23,8%	38,1%	28,6%
Tôi tự tin rằng việc giải quyết các vấn đề khác nhau bằng tiếng Anh cung cấp cho tôi nhiều kiến thức bổ ích	0%	0%	23,8%	61,9%	14,3%
Tôi có thể nâng cao các kỹ năng tiếng Anh nếu thường xuyên giải quyết vấn đề bằng tiếng Anh	0%	4,8%	19%	66,7%	9,5%
Một vấn đề có thiết kế hợp lý bằng tiếng Anh giúp tôi tự tin cải thiện kỹ năng tiếng Anh của mình	0%	0%	23,9%	57,1%	19%

Bảng 7. Đánh giá của SV về sự tự tin khi học dựa trên vấn đề

Kết quả từ *Bảng 7* thể hiện sự đánh giá của SV về sự tự tin của họ khi học dựa trên vấn đề. 66,7% SV cho rằng việc giải quyết vấn đề bằng tiếng Anh không khó với họ trong khi số lượng các bạn “không chắc” chỉ khiêm tốn với 23,8%. Ở nội dung số 9, số lượng SV đồng ý khá cao với hơn 75% đặc biệt là không bạn nào chọn không đồng

Hơn 60% SV cảm thấy hào hứng khi có cơ hội thực hành kỹ năng tiếng Anh trong quá trình giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó, số lượng SV đồng ý với nội dung số 13 chiếm hơn 70%. Phương pháp dựa trên vấn đề đòi hỏi SV làm việc theo nhóm, do đó để có được một sản phẩm chất lượng, SV cần có sự phối hợp ăn ý và thống nhất với nhau.

Bạn hài lòng như thế nào khi học dựa trên vấn đề?	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không chắc	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Tôi thấy hào hứng khi có cơ hội thực hành kỹ năng tiếng Anh trong quá trình giải quyết vấn đề	4,8%	4,8%	28,5%	57,1%	4,8%
Tôi thấy hứng khởi khi có cơ hội làm việc và hợp tác với các bạn cùng lớp trong quá trình giải quyết vấn đề	0%	19%	9,5%	61,9%	9,6%
GV luôn giúp đỡ tôi trong quá trình giải quyết vấn đề	0%	0%	4,8%	57,1%	38,1%
GV đánh giá vấn đề công bằng và khách quan.	0%	0%	4,8%	61,9%	33,3%
GV sẵn sàng góp ý và động viên tôi trong quá trình giải quyết vấn đề.	0%	0%	0%	52,4%	47,6%

Bảng 8. Đánh giá của SV về sự hài lòng khi học dựa trên vấn đề

Phần lớn SV (95,2%) đồng ý rằng GV luôn giúp đỡ họ trong quá trình giải quyết vấn đề. Hơn 95% SV đồng ý với nội dung số 15 và không có bạn nào chọn “không đồng ý”. Đặc biệt là có 100% SV cảm thấy hài lòng với GV khi họ luôn nhận được sự góp ý và động viên trong quá trình giải quyết vấn đề.

5. Một số đề xuất nâng cao động lực học tiếng Anh qua phương pháp học dựa trên vấn đề

- *Đối với SV*: Thay đổi lại cách tư duy, cách suy nghĩ trong học tập ở SV. Sự thành công trong học tập không chỉ thể hiện qua điểm số mà cần phải biết tạo dựng những kỹ năng cần thiết để áp dụng cho công việc trong tương lai. Điều quan trọng là SV cần có một cách nhìn nhận đúng đắn về việc phát triển kỹ năng thực tế thì họ mới nỗ lực trau dồi và rèn luyện. Ngoài ra, việc học dựa trên vấn đề đòi hỏi SV làm quen với khối lượng công việc khá lớn và có kỷ luật tốt. Do đó, SV phải luôn chủ động và nhạy bén trong suốt quá trình giải quyết.

- *Đối với GV*: Cần truyền tải đầy đủ những lợi ích của phương pháp học dựa

trên vấn đề đến SV để họ nắm được và có sự hợp tác tốt nhất. Để làm được điều này, GV có thể viết các hướng dẫn về phương pháp học dựa trên vấn đề để SV đọc và làm theo, kết nối với SV qua nhiều cách thức khác nhau để giới thiệu các phương pháp học mới, các kỹ năng cần thiết,... GV cần theo dõi sát sao hoạt động các nhóm để đưa ra những chỉ dẫn kịp thời trong tất cả các giai đoạn của quá trình giải quyết vấn đề, tuy nhiên cũng không nên can thiệp quá sâu vào việc tìm kiếm ý tưởng để phát huy tối đa tính tự chủ của người học.

- *Đối với nhà trường*: Nên lồng ghép một phần phương pháp học dựa trên vấn đề trong chương trình giảng dạy để SV làm quen dần với áp lực và khối lượng công việc đồng thời vẫn yên tâm với khối lượng kiến thức cô đọng qua phương pháp truyền thống. Tổ chức các buổi hội thảo khoa học cho SV tham dự để họ cập nhật thông tin, nắm được ý nghĩa và lợi ích của những phương pháp mới. Nhà trường nên đầu tư thêm nguồn học liệu tiếng Anh chuyên ngành để SV có thể sử

dụng cho phương pháp này tốt hơn. Các phòng học cần được trang bị mạng Internet để phục vụ tốt nhất cho các buổi thảo luận, thực hành kỹ năng đạt kết quả cao.

6. Kết luận

Qua nghiên cứu này, tác giả đã chỉ ra thực trạng động lực học tiếng Anh và hiệu quả của phương pháp học dựa trên vấn đề tới việc nâng cao động lực học tiếng Anh cho SV Trường Đại học Thương mại. Mặc dù có những khó khăn nhất định trong quá trình giải quyết vấn đề nhưng kết quả cho thấy phương pháp học dựa trên vấn đề đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho SV, giúp họ có thêm hứng thú, tự tin và tập trung hơn trong học tập. Với tính ưu việt của phương pháp học dựa trên vấn đề, tác giả thấy rằng phương pháp học dựa trên vấn đề cần được nhân rộng và phổ biến trong dạy và học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng ở bậc đại học để tạo động lực học tiếng Anh cho SV, đồng thời nâng cao các kỹ năng cần thiết cho SV trong môi trường học tập hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Albanese, M. A., and Mitchell, S., "Problem-based learning: A review of literature on its outcomes and implementation issues", *Academic Medicine*, Vol. 68(1), pp. 52-81, 1993.
- [2] Aliyu, M. M., "Tutors' Experiences and Perceptions of a Problem-based Learning Approach in an ESL Writing Classroom", *Journal of Language Teaching and Applied Linguistic*, Vol. 4(2), pp. 71-81, 2019.
- [3] Crookes, G., and Schmidt, R. W., "Motivation: Reopening the Research Agenda", *Language Learning*, Vol. 41, pp. 469-512, 1991.
- [4] Dolmans, D., and Gijbels, D., "Research on problem based learning: future challenges", *Medical Education*, Vol. 47(2), pp. 214-218, 2013.
- [5] Gardner, R. C., *Social psychology and second language learning: The role of attitudes and motivation*, Edward Arnold Publishers, London, 1985.
- [6] Harun, N. F., Yusof, K. M., Jamaludin M. Z., and Hassan, S. A. H. S., "Motivation in Problem-based Learning Implementation", *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, Vol. 56, pp. 233-242, 2012.
- [7] Hmelo-Silver, C. E., "Problem-based learning: What and how do students learn?", *Educational Psychology Review*, Vol. 16(3), pp. 235-266, 2004.
- [8] Keller, J., "Using the ARCS motivational process in computer-based instruction and distance education", *New Directions for Teaching and Learning*, Summer (78), pp. 39-47, 1999.
- [9] Kyriacou, C., & Zhu, D., "Shanghai pupils' motivation towards learning English and the perceived influence of important others", *Educational Studies*, Vol. 34(2), pp. 97-104, 2008.
- [10] Lane, E. A., "Problem-based learning in Veterinary Education", *Journal of Veterinary Medical Education*, Vol. 35(4), pp. 631-636, 2008.
- [11] Neuman, G. A., and Wright, J., "Team effectiveness: Beyond skills and cognitive ability", *Journal of Applied Psychology*, Vol. 84 (3), pp. 376-389, 1999.
- [12] Othman, N., and Shah, M. I. A., "Problem-Based Learning in the English Classroom", *Canadian Center of Science and Education*, Vol. 6(3), pp. 125-134, 2013.